

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HS-ST
Ngày 12/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị C**
2. Ông **Lê Văn D**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Lê Hiền B** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa:** Ông **Phạm Thế Q** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 70/2021/HSST ngày 01 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 79/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Nguyễn Đình H (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; sinh năm 1967 tại tỉnh G; nơi cư trú: Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh G; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1930 và bà Phan Thị T (đã chết). Hiện cha bị cáo trú tại: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh G; gia đình bị cáo có 09 anh em, lớn nhất sinh năm 1956, nhỏ nhất sinh năm 1978, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình; Vợ: Trần Thị H, sinh năm 1970; bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2006. Hiện vợ con bị cáo trú tại: Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh G.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Năm 1998, đi làm thuê, sinh sống tại Phường 16, quận T, thành phố H đến ngày 13/01/1999 có hành vi Trộm cắp tài sản tại quận T, thành phố H bị Công an quận T xử phạt cảnh cáo;

- Ngày 18/3/1999, có hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, bị Công an quận T xử phạt hành chính;

- Ngày 30/5/1999, có hành vi cùng đồng phạm Cướp tài sản tại Phường 15, Quận 10, thành phố H đến ngày 16/12/1999 bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 06 năm tù (Theo Bản án số 3279/HSST ngày 16/12/1999), sau đó bị cáo kháng cáo đến ngày 27/7/2000, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố H xử phạt 05 năm tù (Theo Bản án số 1626/HSPT ngày 27/7/2000). Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Châu Bình tỉnh B đến ngày 10/12/2003 chấp hành xong hình phạt tù về lại địa phương

sinh sống. (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2021 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: Phạm Khánh H1 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; sinh năm 1988 tại tỉnh Q; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Phạm Văn N, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947. Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G; gia đình bị cáo có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1988, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Vợ: Vũ Thị Thu T, sinh năm 1993; bị cáo có 01 người con, sinh năm 2018. Hiện vợ con bị cáo trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 18/11/2016, có hành vi cùng đồng phạm Tàng trữ trái phép chất ma túy tại thành phố P, tỉnh G đến ngày 04/4/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xử phạt 12 tháng tù (Theo Bản án số 39/2017/HSST ngày 04/4/2017), chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh G đến ngày 22/5/2018 chấp hành xong hình phạt tù về lại địa phương sinh sống. (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2021 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an huyện Đ, tỉnh G, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ ba: Trần Văn T (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; sinh năm 1975 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Trần Văn X, sinh năm 1950 hiện đang trú tại: Quận L, thành phố Đ; con bà Trịnh Thị N, sinh năm 1950 hiện trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G; gia đình bị cáo có 07 chị em, lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1984, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; Vợ: Vương Thị H, sinh năm 1979 (đã ly hôn); bị cáo có 01 người con, sinh năm 1999 hiện đang sống cùng mẹ tại: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 11/6/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 04/HSST. Bản án bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ kháng nghị đến ngày 19/9/2003, Tòa án nhân dân tỉnh G xử phúc thẩm, xử phạt 09 tháng tù (theo Bản án số 40/HSPT ngày 19/9/2003), chấp hành án tại Trại giam G đến ngày 13/5/2004 chấp hành xong hình phạt tù về lại địa phương, sinh sống.

- Ngày 12/4/2016, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đến ngày 19/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đ ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 22 tháng. Ngày 24/10/2017 chấp hành xong về lại địa phương sinh sống.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2021 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1970. Trú tại: Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

2/ Bà **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1978. Trú tại: Số nhà 100 Lê Đại Hành, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

3/ Anh **Trịnh Công T**, sinh năm 1993. Trú tại: Số nhà 100 Lê Đại Hành, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

4/ Ông **Phạm Văn N**, sinh năm 1952. Trú tại: Tổ dân phố 02, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 23 giờ ngày 24/6/2021, Nguyễn Xuân Th (sinh năm 1988, trú tại: Tổ 4, thị trấn K, huyện M, tỉnh G) là bạn của Nguyễn Đình H đến chơi rầy cã phê của H tại Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh G chơi và ngủ lại qua đêm. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/6/2021, H gọi điện thoại cho Phạm Khánh H1 hỏi: “Em đang ở đâu? mua cái ba trăm về chơi” (tức là mua ba trăm ngàn đồng ma túy về sử dụng), H1 trả lời: “Em đang học lái xe đến chiều mới về”, “mua năm trăm chứ mua ba trăm ít quá”, H trả lời: “Mua năm trăm cũng được”. Sau khi điện thoại nghe H1 nói chiều mới về thì H điện thoại cho Trần Văn T hỏi: “Em đang ở đâu?” T trả lời: “Em đang ở nhà bồ em trên phố”, H nói: “Kiếm cái xuống chơi cho vui lâu không gặp” (tức là mua gói ma túy xuống sử dụng), T trả lời: “Em không có tiền”, H nói: “Hai, ba trăm gì chứ mấy”, T trả lời: “Có tiền thì em xuống, không có tiền thì thôi”.

Sau khi nghe điện thoại của H, H1 điện thoại cho đối tượng tên T (chưa xác định được nhân thân, lai lịch, chỗ ở) hỏi: “Có đồ không” tức là (có ma túy bán không) T trả lời: “Có”, T hỏi H1: “Mua bao nhiêu”, H1 trả lời: “1.500.000 đồng”, T nói với H1: “Khi nào qua thì gọi”. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, H1 điện thoại cho T hỏi: “Anh đang ở đâu em chạy qua”, T trả lời: “Chạy qua hẻm đường H1 Hoa Thám, gần quán cà phê Voi”. H1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81C1- 100.84 đến hẻm đường H1 Hoa Thám gọi điện thoại cho T nói: “Em qua rồi, cho em nợ tiền chiều trả sau”, T đồng ý và nói ma túy trong gói thuốc lá để tại trụ điện gần quán cà phê Voi thì H1 đi đến vị trí T chỉ lấy ma túy. Sau khi mua được ma túy H1 điều khiển xe mô tô quay về Trường tiếp tục học lái xe ô tô đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày thì nghỉ. H1 điều khiển xe mô tô BKS 81C1- 100.84 về đến khu vực Đồng Xanh, xã An Phú, thành phố P, tỉnh G, H1 gọi điện thoại hỏi H hỏi: “Anh đang ở đâu”, H trả lời: “Ở chơi rầy cã phê” và với H1 “Chạy xuống đây”. H1 điều khiển xe mô tô chạy đến gần rầy cã phê của H thì dừng xe cách chòi rầy khoảng 100 mét, rồi lấy gói thuốc ra kiểm tra thấy trong gói thuốc có 03 cục được cuốn băng keo màu đen bên ngoài, trong đó có có 01 quả nhãn được cuốn băng keo màu đen bên ngoài, 02 gói nilon trong suốt bên trong đựng ma túy đá được cuốn băng keo bên ngoài thành một cục và 01 gói nilon trong suốt bên trong đựng ma túy đá được cuốn băng keo đen bên ngoài. Sau khi kiểm tra, H1 cầm hai cục ma túy đi vào cửa sau chòi rầy, khi đi đến cửa H1 giấu 01 cục có 02 gói ma túy

phía ngoài bên trái cửa chòi rầy theo chiều từ ngoài đi vào trong chòi rầy, khi vào chòi rầy thấy H và T1 đang ở trong chòi rầy và đã chuẩn bị sẵn bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá đặt trên nắp thùng sơn, H1 đưa gói ma túy cho H, H mở băng keo rồi dùng kéo cắt gói ma túy, sau đó H đổ một phần ma túy vào nỏ thủy tinh để sử dụng, số ma túy còn lại H dùng quét ga hàn kín gói nilon lại rồi để lại trên nắp thùng sơn. H dùng quét ga nấu sôi ma túy rồi cùng H1 và T1 thay nhau sử dụng ma túy đá. Lúc này, Dương Ngọc H3 (sinh năm 1996, trú tại: Làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G) điện thoại cho H1 hỏi: “Anh đang ở đâu”, H1 trả lời: “Đang ở rầy cả phê anh H”, sau khi nghe điện thoại H1 hỏi H: “Có thằng Hết đến có cho nó vào chơi cùng được không”, H trả lời: “Được” nên H1 nói Hết vào rầy của H chơi. Khi Hết đi vào chòi rầy cả phê của H thấy H, H1 và T1 đang sử dụng ma túy, Hết cùng ngồi xuống và đang chuẩn bị sử dụng ma túy thì bị Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang, T1 bỏ chạy trốn.

Trần Văn T, sau khi nghe điện thoại của anh H, T nói với chị Trần Thị Thanh T (sinh năm 1978, trú tại: Số nhà 100 đường Lê Đại Hành, thành phố P, tỉnh G, là bạn gái của T) đưa 500.000 đồng để đi mua sơn về sơn bàn thì Tr đưa cho T 300.000 đồng, sau đó T mượn xe mô tô BKS 77G1-666.77 của cháu Trịnh Công T (sinh năm 1993, trú tại: Số nhà 100 đường Lê Đại Hành, thành phố P, tỉnh G, Toàn là cháu của chị Tr) nói mượn xe để mua sơn. Sau khi mượn được xe T điện thoại cho một đối tượng S (chưa xác định được nhân thân, lai lịch, chỗ ở) hỏi: “Có biết chỗ nào bán ma túy đá mua giùm 300.000đồng”, S trả lời: “Chạy sang phòng trọ của S tại nhà trọ S”, T điều khiển xe mô tô chạy đến gặp S tại nhà nghỉ S thì S lấy điện thoại của T gọi điện cho một người phụ nữ (chưa xác định được nhân thân, lai lịch, chỗ ở). Sau khi điện thoại xong, S chỉ cho T chạy xe đến đường hẻm Lý Nam Đế, phường T, thành phố P, tỉnh G đến chỗ có trụ điện đôi đứng chờ sẽ có người đem ma túy ra. T đến vị trí S chỉ đứng chờ khoảng 10 phút, có một người phụ nữ (chưa xác định được nhân thân, lai lịch, chỗ ở) đi đến hỏi T: “Anh của S hả”, T trả lời: “Đúng”, người phụ nữ nói đưa tiền đây, T đưa 300.000 đồng, người phụ nữ nói: “Chỉ bán cái năm và cái hai, không có cái ba”, người phụ nữ đưa cho T 01 gói nilon trong suốt bên trong đựng ma túy đá rồi trả lại cho T 100.000đồng, khi T chuẩn bị quay xe đi thì người phụ nữ nói: “Đưa tiền đây”, T đưa 100.000đồng cho người phụ nữ, sau khi lấy tiền người phụ nữ bảo T đứng chờ một lúc thì quay lại đưa cho T 01 gói ma túy. Sau khi mua được ma túy T cất dấu trong ốp điện thoại rồi điều khiển xe mô tô đến chòi rầy cả phê của gia đình Nguyễn Đình H tại Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh G để sử dụng. Khi T vừa đến chòi rầy và dựng xe mô tô thì bị Công an huyện Đ kiểm tra phát hiện trong ốp điện thoại di động có 02 gói nilon trong suốt bên trong đựng chất màu trắng dạng tinh thể, T khai là ma túy đá. Công an huyện Đ đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H, H1 và T và tạm giữ những đồ vật sau:

2. Về vật chứng: Vật chứng thu giữ gồm:

- Tại vị trí phía ngoài bên trái cửa sau theo hướng từ ngoài vào trong chòi rầy 01 cục được cuốn băng keo màu đen, kiểm tra bên trong có 02 gói nilon trong suốt bên trong đựng chất màu trắng dạng tinh thể, 01 gói có kích thước (4x 3,7)cm và 01 gói có kích thước (4x 3,8)cm, đã được niêm phong theo quy định.

- Tại vị trí khe hở bên hông chòi rầy có 01 gói nilon trong suốt bên trong đựng chất màu trắng dạng tinh thể, có kích thước (04x2,9)cm, đã được niêm phong theo quy

định.

- Phát hiện trong 02 gói điện thoại di động trên người của Trần Văn T 02 gói nylon trong suốt bên trong đựng chất màu trắng dạng tinh thể có kích thước (3,1x 0,9)cm và (0,2x0,1)cm;

- Tạm giữ trên nắp thùng sơn trong chòi rẫy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm 01 chai nhựa cao 18cm, phía trên nắp chai gắn một nỏ thủy tinh, bên trong nỏ thủy tinh có bám chất màu trắng và gắn một ống nhựa, đã được niêm phong theo quy định;

- Tạm giữ của Nguyễn Đình H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, có số Imei 1: 359929074162592 và trong điện thoại có gắn thẻ sim số: 0357208592 và một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số Imei1: 865566042566756, bên trong điện thoại gắn thẻ sim số: 0327603234;

- Tạm giữ của Phạm Khánh H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, số Imei: 355878061045241, trong điện thoại gắn thẻ sim số: 0813451111 và một xe mô tô nhãn hiệu Future, BKS 81C1- 10084;

- Tạm giữ của Trần Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, số Imei: 352987107258156, bên trong điện thoại gắn thẻ sim số: 0337733418; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri 1: 355803093379350, bên trong gắn thẻ sim số 0706213412 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Air blade, BKS 77G1- 666.77;

- Tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Win, BKS 81H7- 4725 tại vị trí chòi rẫy của Nguyễn Đình H.

Tại Kết luận giám định số 479 /KLGD ngày 03/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G kết luận:

- + Chất màu trắng dạng tinh thể đựng trong 02 gói nylon niêm phong trong bì công văn Công an huyện Đ (ký hiệu số 01) gửi giám định là ma túy, loại ma túy Methamphetamine, tổng khối lượng 4,3870 gam.

- + Chất màu trắng dạng tinh thể đựng trong 02 gói nylon niêm phong trong bì thư (ký hiệu số 02) gửi giám định là ma túy, loại ma túy Methamphetamine, tổng khối lượng 0,3288 gam.

- + Chất màu trắng dạng tinh thể đựng trong 01 gói nylon niêm phong trong bì thư (ký hiệu số 03) gửi giám định là ma túy, loại ma túy Methamphetamine, có khối lượng 1,5736 gam;

- + Chất trắng bám dính trong đoạn ống thủy tinh (gắn trên nắp chai nhựa) niêm phong trong hộp giấy (ký hiệu số 04) gửi giám định loại ma túy Methamphetamine, không cân được khối lượng.

Hoàn lại đối tượng giám định gồm: 05 gói nylon chứa chất màu trắng, dạng tinh thể (qua giám định là Methamphetamine), có khối lượng 4,1308 gam (trong 02 gói nylon); 0,2309 gam (trong 02 gói nylon); 1,3887 gam (trong 01 gói nylon) và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Đã được niêm phong theo quy định.

01 gói ma túy loại Methamphetamine, sau giám định có khối lượng 1,3887 gam; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa cao 18cm, phía trên nắp chai gắn một nỏ thủy tinh, bên trong nỏ có bám chất màu trắng, gắn một ống nhựa và 01 điện thoại di

động nhãn hiệu OPPO, số Imei1: 865566042566756, bên trong điện thoại gắn thẻ sim số: 0327603234. Những vật chứng trên thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Đình H có liên quan đến vụ án nên chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định.

02 gói ma túy loại Methamphetamine, sau giám định có khối lượng 4,1308 gam; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, số Imei: 355878061045241, bên trong điện thoại gắn thẻ sim số: 0813451111. Những vật chứng trên thuộc sở hữu của Phạm Khánh H1 có liên quan đến vụ án nên chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định.

02 gói ma túy loại Methamphetamine, sau giám định có khối lượng 0,2309 gam; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, số Imei: 352987107258156, bên trong điện thoại gắn thẻ sim số: 0337733418 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri 1: 355803093379350, bên trong gắn thẻ sim số 0706213412. Những vật chứng trên thuộc sở hữu của Trần Văn T có liên quan đến vụ án nên chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định là phù hợp.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, có số Imei 1: 359929074162592, bên trong điện thoại có gắn thẻ sim số 0357208592. Quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Đình H không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả tại tài sản cho chủ sở hữu.

Xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, BKS 77G1- 66677. Quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của anh Trịnh Công T; ngày 25/6/2021, bị cáo T mượn xe mô tô trên của Toàn đi mua đồ, sau đó T sử dụng xe mô tô đi phạm tội anh T2 không biết nên không xử lý đối với anh T2, đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả tại tài sản cho chủ sở hữu theo quy định.

Xe mô tô nhãn hiệu Future, BKS 81C1-100.84, thuộc sở hữu của ông Phạm Văn N (là cha ruột của bị cáo H1), ngày 25/6/2021, H1 mượn xe mô tô này đi học bằng lái xe ô tô, việc H1 sử dụng xe mô tô làm phương tiện để phạm tội ông N không biết nên không có căn cứ để xử lý đối với ông N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định trả lại tài sản cho chủ sở hữu theo quy định.

Xe mô tô nhãn hiệu Win, BKS 81H7- 4725, số khung: RMNDCH4MN5H002388, số máy: Bị đục phá không xác định được. Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Đình H khai là xe mô tô của Nguyễn Xuân Th đi đến chòi rẫy của bị cáo H để lại. Qua tra cứu BKS 81H7- 4725 của xe mô tô thì xác định người đứng tên đăng ký xe mô tô trên là chị Trần Thị Kim Th, trú tại: Thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Xác minh tại xã H xác định, trên địa bàn xã H không có Thôn 3, rà soát trên địa bàn xã H từ trước đến nay không ai có sở hữu xe mô tô trên. Hiện nay chưa xác định được nguồn gốc đối với xe mô tô trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Cáo trạng số 68/CT-VKS ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo Nguyễn Đình H về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Khánh H1 về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Văn T về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều

249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H từ 07 năm tù đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội từ 09 năm tù đến 10 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H1 từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, tình trạng điện thoại đã cũ, bị bể góc màn hình, tại thời điểm giao nhận máy không còn hoạt động. Số IMEI 1: 065566042566765, số IMEI 2: 865566042566749;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám, tình trạng điện thoại đã cũ, màn hình đã bị bể, tại thời điểm giao nhận máy không còn hoạt động. Số IMEI: 3558780610445241;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đồng, tình trạng điện thoại đã cũ, tại thời điểm giao nhận máy không còn hoạt động. Số IMEI 1: 352987107258156, số IMEI 2: 352987107258154;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, tình trạng điện thoại đã cũ, tại thời điểm giao nhận máy không còn hoạt động. Số SERI 1: 065566042566765, số IMEI 1: 865566042566749.

Tịch thu tiêu hủy:

- 03 (Ba) bì niêm phong được đánh số thứ tự 1,2,3; mặt trước ghi số 479/PC09 ngày 03/7/2021, dạng bì thư gửi công văn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh G. Bì niêm phong có đặc điểm: Tại mép dán mặt sau có đóng 03 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự, nội dung “Công an tỉnh G * Phòng kỹ thuật hình sự”; có các chữ ký mang tên Hồ Đình Công, Nguyễn Văn Quỳnh, Bùi Đức Ngụ.

- 01 (một) bì niêm phong ghi số 479/PC09 ngày 03/7/2021 có đặc điểm: Tại mép dán bì niêm phong đóng 09 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự, nội dung “Công an tỉnh G * Phòng kỹ thuật hình sự”; có các chữ ký mang tên Hồ Đình Công, Nguyễn Văn Quỳnh, Bùi Đức Ngụ.

- 04 Sim số điện thoại 0327603234, 0813451111, 0337733481, 0706213412.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Win, BKS 81H7-4725, số máy: Bị đục phá không xác định được; số khung: RMNDCH4MN5H002388. Quá trình điều tra chưa xác định được nguồn gốc đối với xe mô tô trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và xin xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, H đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, biên bản phạm tội quả tang và tang vật thu giữ được, đủ cơ sở kết luận: Vào chiều ngày 25/6/2021 tại chòi rẫy của gia đình Nguyễn Đình H thuộc Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh G, Nguyễn Đình H đã có hành vi cung cấp chất ma túy loại Methamphetamine, chuẩn bị dụng cụ, địa điểm để Nguyễn Xuân Th, Phạm Khánh H1 và Dương Ngọc H3 cùng với bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy nên hành vi của Nguyễn Đình H đã phạm vào tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngoài ra, Nguyễn Đình H còn có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamine khối lượng là 1,9024 gam để nhằm mục đích sử dụng. Bị cáo Phạm Khánh H1 có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng là 5,96 gam để nhằm mục đích sử dụng. Bị cáo Trần Văn T có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,3288 gam để nhằm mục đích sử dụng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã H, xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng chất ma túy được pháp luật hình sự bảo vệ.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình H về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Khánh H1 về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Văn T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, không có sự cấu kết chặt chẽ nên đây là vụ án đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn.

Đối với bị cáo Nguyễn Đình H là người khởi xướng việc phạm tội, quá trình phạm

tội rất tích cực nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Ngoài hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại chòi rẫy của gia đình thuộc Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh G vào chiều ngày 25/6/2021, bị cáo là người đã nhờ Phạm Khánh H1 và Trần Văn T mua ma túy về để bị cáo cùng mọi người sử dụng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng chất ma túy tạm giữ của bị cáo và khối lượng chất ma túy tạm giữ của Trần Văn T, với tổng khối lượng là 1,9024 gam ma túy loại Methamphetamine.

Đối với bị cáo Phạm Khánh H1 là người giữ vai trò đồng phạm trong vụ án, khi được bị cáo H nhờ mua ma túy thì bị cáo H1 đồng ý. H1 đã mua ma túy cho H 01 gói và mua cho mình 02 gói, mục đích mua ma túy về để sử dụng nên H1 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng số ma túy còn lại của bị cáo đã mua là 5,96 gam ma túy loại Methamphetamine.

Đối với Trần Văn T là người giữ vai trò đồng phạm trong vụ án, khi được bị cáo H nhờ mua ma túy về sử dụng thì T đồng ý nên T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng số ma túy của bị cáo đã mua là 0,3288 gam ma túy loại Methamphetamine.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không ai bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đình H có cha ruột là người có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Khánh H1 được Giám đốc Sở y tế tỉnh G tặng Giấy khen vì đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2014 và năm 2015; Cha mẹ bị cáo trong quá trình công tác có thành tích xuất sắc được nhiều cấp khen thưởng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự sẽ được áp dụng cho bị cáo.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo, cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã H một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã H.

[4] Về vật chứng:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, có số Imei 1: 359929074162592, bên trong điện thoại có gắn thẻ sim số 0357208592. Quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Đình H không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả tại tài sản cho chủ sở hữu theo quy định là phù hợp.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Air blade, BKS 77G1- 66677. Quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của anh Trịnh Công T; ngày 25/6/2021, bị cáo T mượn xe mô tô trên của Toàn đi mua đồ, sau đó T sử dụng xe mô tô đi phạm tội anh T2 không biết nên

không xử lý đối với anh T2, đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả tài sản cho chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Future, BKS 81C1-100.84, thuộc sở hữu của ông Phạm Văn N (là cha ruột của bị cáo H1), ngày 25/6/2021, H1 mượn xe mô tô trên để làm phương đi học bằng lái xe ô tô, việc H1 sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi phạm tội ông N không biết nên không có căn cứ để xử lý đối với ông N, đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định trả lại tài sản cho chủ sở hữu theo quy định là phù hợp.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Win, BKS 81H7-4725, số máy: Bị đục phá không xác định được, số khung: RMNDCH4MN5H002388. Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Đình H khai là xe mô tô của Nguyễn Xuân Th đi đến chòi rẫy của bị cáo H để lại. Qua tra cứu BKS 81H7- 4725 của xe mô tô thì xác định người đứng tên đăng ký xe mô tô trên là chị Trần Thị Kim Th, trú tại: Thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Xác minh tại xã H xác định, trên địa bàn xã H không có Thôn 3, rà soát trên địa bàn xã H từ trước đến nay không ai có sở hữu xe mô tô trên. Hiện nay chưa xác định được nguồn gốc đối với xe mô tô trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số IMEI 1: 065566042566765, số IMEI 2: 865566042566749; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, số Imei: IMEI: 3558780610445241; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, số IMEI 1: 352987107258156, số IMEI 2: 352987107258154 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số SERI 1: 065566042566765, số IMEI 1: 865566042566749. Đây là điện thoại mà các bị cáo dùng để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

+ Thẻ sim của các số điện thoại 0327603234; 0813451111; 0337733418 và 706213412. Đây là những vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ 03 (Ba) bì niêm phong được đánh số thứ tự 1,2,3; mặt trước ghi số 479/PC09 ngày 03/7/2021, dạng bì thư gửi công văn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh G. Bì niêm phong có đặc điểm: Tại mép dán mặt sau có đóng 03 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự, nội dung “Công an tỉnh G * Phòng kỹ thuật hình sự”; có các chữ ký mang tên Hồ Đình Công, Nguyễn Văn Quỳnh, Bùi Đức Ngụ, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) bì niêm phong ghi số 479/PC09 ngày 03/7/2021 có đặc điểm: Tại mép dán bì niêm phong đóng 09 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự, nội dung “Công an tỉnh G * Phòng kỹ thuật hình sự”; có các chữ ký mang tên Hồ Đình Công, Nguyễn Văn Quỳnh, Bùi Đức Ngụ, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về các vấn đề khác:

Đối với bà Trần Thị H là vợ của bị cáo Nguyễn Đình H, việc bị cáo H sử dụng nhà rẫy của gia đình để thực hiện hành vi phạm tội bà H không biết nên không có căn cứ để xử lý đối với bà H là phù hợp.

Đối với Dương Ngọc H là người tham gia cùng với Nguyễn Đình H, Phạm Khánh H1 và Nguyễn Xuân Th tại chòi rẫy cà phê của gia đình bị cáo H thuộc Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 25/6/2021 để sử dụng trái phép chất ma túy nhưng H chưa kịp sử dụng ma túy thì bị phát hiện bắt giữ nên chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Dương Ngọc H về hành vi Sử dụng trái phép ma túy là phù hợp.

Đối tượng Nguyễn Xuân Th là người tham gia sử dụng trái phép chất ma túy cùng với Nguyễn Đình H, Phạm Khánh H1 và Dương Ngọc H tại chòi rẫy cà phê của gia đình bị cáo H tại Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 25/6/2021. Tuy nhiên, đến nay T1 đã bỏ đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được nên chưa có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Xuân Th. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với đối tượng tên T là người bán ma túy cho Phạm Khánh H1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh G để xác minh nhưng đến nay chưa làm rõ được, nhân thân lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với đối tượng tên S là người bán ma túy cho Trần Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh G để xác minh nhưng đến nay chưa làm rõ được, nhân thân lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với Phạm Khánh H1 có hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy tại chòi rẫy cà phê của gia đình bị cáo H vào ngày 25/6/2021, hành vi này không cấu thành tội phạm nên Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình H phạm các tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Khánh H1, Trần Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt chung đối với cả 02 tội. Buộc bị cáo Nguyễn Đình H phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày

25/6/2021.

2.2 Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Khánh H1 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 25/6/2021.

2.3 Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 25/6/2021.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, tình trạng điện thoại đã cũ, bị bể góc màn hình, tại thời điểm giao nhận máy không còn hoạt động. Số IMEI 1: 065566042566765, số IMEI 2: 865566042566749;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám, tình trạng điện thoại đã cũ, màn hình đã bị bể, tại thời điểm giao nhận máy không còn hoạt động. Số IMEI: 3558780610445241;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đồng, tình trạng điện thoại đã cũ, tại thời điểm giao nhận máy không còn hoạt động. Số IMEI 1: 352987107258156, số IMEI 2: 352987107258154;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, tình trạng điện thoại đã cũ, tại thời điểm giao nhận máy không còn hoạt động. Số SERI 1: 065566042566765, số IMEI 1: 865566042566749.

Tịch thu tiêu hủy:

- 03 (Ba) bì niêm phong được đánh số thứ tự 1,2,3; mặt trước ghi số 479/PC09 ngày 03/7/2021, dạng bì thư gửi công văn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh G. Bì niêm phong có đặc điểm: Tại mép dán mặt sau có đóng 03 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự, nội dung “Công an tỉnh G * Phòng kỹ thuật hình sự”; có các chữ ký mang tên Hồ Đình C, Nguyễn Văn Q, Bùi Đức N.

- 01 (một) bì niêm phong ghi số 479/PC09 ngày 03/7/2021 có đặc điểm: Tại mép dán bì niêm phong đóng 09 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự, nội dung “Công an tỉnh G * Phòng kỹ thuật hình sự”; có các chữ ký mang tên Hồ Đình C, Nguyễn Văn Q, Bùi Đức N.

- 04 Sim các số điện thoại 0327603234, 0813451111, 0337733481, 0706213412.

Tình trạng vật chứng như thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/12/2021 giữa Công an huyện Đ, tỉnh G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Đình H, Phạm Khánh H1, Trần Văn T, mỗi bị cáo phải

chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/01/2022), các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo; bị hại
- Người TGTT khác
- Lưu HS, AV, VP

**TM.H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân H